**SỞ GD&ĐT TP.ĐÀ NẴNG**
**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**
**TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY

## HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

*BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)*

## CHỦ ĐỀ 3. RÈN LUYỆN BẢN THÂN

*(Số tiết: 14 — tuần 7 đến tuần 11, tiết 19 đến tiết 32)*

Giáo viên: Lê Thị Thìn| Lớp: 12/7

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Nêu được biểu hiện của người có trách nhiệm trong công việc và trong việc hỗ trợ người khác; thực hiện được trách nhiệm khi nhận một nhiệm vụ chung của lớp.

– Chỉ ra được những việc làm thể hiện sự tự chủ, lòng tự trọng và ý chí vượt khó; phân biệt được ba phẩm chất này qua tình huống cụ thể.

– Thể hiện được sự tự chủ, lòng tự trọng và ý chí vượt khó để đạt được mục tiêu đã đề ra trong ít nhất hai tình huống của sách giáo khoa.

– Nêu được biểu hiện của người có tư duy phản biện và sáu yêu cầu khi tư duy phản biện.

– Hình thành được tư duy phản biện khi đánh giá sự vật, hiện tượng: đánh giá được một nhận định quen thuộc bằng lí lẽ và dẫn chứng, có xét đến quan điểm trái chiều.

– Kể được ba loại kế hoạch tài chính cá nhân là ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và nêu được các bước xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân.

– Xây dựng được ít nhất một kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí cho một mục tiêu ngắn hạn hoặc trung hạn của bản thân, có bảng thu – chi – tồn cân đối và có người hỗ trợ.

– Rèn luyện được tính trách nhiệm, tự trọng, tự chủ và ý chí vượt khó trong việc thực hiện mục tiêu của bản thân.

### 2. Năng lực

**Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp:** năng lực thích ứng với cuộc sống khi tự chủ sắp xếp việc học và việc nhà, khi vượt qua khó khăn để giữ đúng cam kết; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch tài chính cá nhân có mục tiêu, mốc thời gian, bảng thu chi và người hỗ trợ.

**Năng lực chung:** tự chủ và tự học khi tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; giao tiếp và hợp tác khi hỗ trợ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ chung; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm cách xoay xở trước khó khăn và khi phản biện một nhận định nghe có vẻ hiển nhiên.

**Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)**

**5.4.NC1a –** xác định các vấn đề cần cải thiện về năng lực số. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh đối chiếu bảng chỉ báo năng lực số do giáo viên phát với những việc mình thường làm khi dùng điện thoại và máy tính ở nhà, chỉ ra hai chỉ báo bản thân còn yếu kèm minh chứng, rồi ghi hai việc sẽ làm để cải thiện vào phiếu kế hoạch rèn luyện.

**10.C4 –** dữ liệu huấn luyện và ảnh hưởng của dữ liệu tới chất lượng câu trả lời của trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên chiếu trên máy của lớp gợi ý chia các khoản chi trong tháng do một phần mềm trí tuệ nhân tạo đưa ra, đã in sẵn cho từng nhóm; học sinh đối chiếu gợi ý ấy với bảng chi tiêu thật của mình và chỉ ra khoản nào không khớp với hoàn cảnh gia đình mình, rồi giải thích vì sao máy lại nêu như vậy.

**Minh chứng:** phiếu tự soi năng lực số có hai chỉ báo còn yếu kèm minh chứng và hai việc sẽ làm; phiếu đối chiếu gợi ý chia khoản chi của máy với chi tiêu thật, có cột lí do không khớp; bản kế hoạch tài chính cá nhân của mỗi học sinh.

### 3. Phẩm chất

**Trách nhiệm:** làm đến nơi đến chốn việc mình đã nhận, không đẩy phần khó cho bạn khác trong nhóm.

**Trung thực:** ghi đúng khoản thu, khoản chi của mình; không phóng đại kết quả rèn luyện để lấy điểm.

**Chăm chỉ:** kiên trì theo đuổi mục tiêu tài chính đã đặt ra trong nhiều tuần, không bỏ dở khi gặp trở ngại.

**Nhân ái:** sẵn sàng hỗ trợ bạn gặp khó khăn mà không làm bạn thấy mình kém cỏi; tôn trọng hoàn cảnh kinh tế khác nhau của các bạn trong lớp.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**Giáo viên:** sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 18–25 và sách giáo viên; tivi và máy tính của lớp; giấy A3 hoặc A4, bút màu, giấy nhớ nhiều màu; bản in bảng chỉ báo năng lực số rút gọn cho học sinh tự soi; bản in gợi ý chia các khoản chi trong tháng do phần mềm trí tuệ nhân tạo đưa ra, đã chuẩn bị từ trước; phiếu học tập ở Phụ lục 1; tư liệu về một tấm gương vượt khó của địa phương; một video hoặc trò chơi ngắn để khởi động.

**Học sinh:** sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; bảng ghi các khoản mình đã thu và đã chi trong hai tuần gần đây, ghi bằng tay ở nhà.

**Phương án dự phòng:** khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in bảng chỉ báo năng lực số và bản in gợi ý chia khoản chi đã chuẩn bị sẵn, chép khung kế hoạch tài chính ở sách giáo khoa trang 22 lên bảng lớp. Mọi phép tính thu – chi – tồn đều làm bằng tay trên giấy, không cần bảng tính điện tử và không cần thiết bị riêng của học sinh.

**An toàn:** chủ đề có nói đến tiền nên lớp thống nhất bốn quy ước: mọi con số chi tiêu đưa ra thảo luận chung là số giả định hoặc đã làm tròn, không so bì hoàn cảnh gia đình, không ai phải kể thu nhập của bố mẹ, và phiếu kế hoạch tài chính là của riêng từng em. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại, địa chỉ nhà hay bất kì thông tin ngân hàng nào lên các trang trên mạng. Khi làm thêm để có thu nhập theo gợi ý của sách, học

sinh chỉ làm những việc phù hợp sức khoẻ, có bố mẹ biết và đồng ý, không làm vào giờ học và không đi xa một mình.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Mạch bài:** nhận nhiệm vụ có trách nhiệm → tự chủ, tự trọng, vượt khó → nghĩ có phản biện → biết liệu cơm gắp mắm → lập kế hoạch tài chính của chính mình → rèn luyện lâu dài.

| Tiết | Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm | Sản phẩm nối tiếp | Thời gian |
|---|---|---|---|
| 19 | Người có trách nhiệm khác người vô tâm ở chỗ nào? | Bảng hai nhóm biểu hiện: trách nhiệm trong công việc và trong hỗ trợ người khác | 45 phút |
| 20 | Em đã có trách nhiệm đến đâu với nhiệm vụ được giao? | Phiếu tự soi trách nhiệm và thẻ cam kết một việc chung của lớp | 45 phút |
| 21 | Tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó khác nhau thế nào? | Bảng ba cột việc làm minh hoạ cho ba phẩm chất | 45 phút |
| 22 | Vinh đã tự chủ và vượt khó bằng những việc gì? | Phiếu phân tích tình huống Vinh và liên hệ bản thân | 45 phút |
| 23 | Người có tư duy phản biện nghĩ khác người khác ra sao? | Danh sách biểu hiện và sáu yêu cầu khi tư duy phản biện | 45 phút |
| 24 | Em đang mạnh, đang yếu ở chỉ báo năng lực số nào? | Phiếu tự soi năng lực số: hai chỉ báo còn yếu kèm minh chứng và việc sẽ làm | 45 phút |
| 25 | Có mấy loại kế hoạch tài chính và bạn Trang đã tính thế nào? | Phiếu đọc hiểu kế hoạch tài chính của bạn Trang, có kiểm lại phép tính | 45 phút |
| 26 | Xây dựng một kế hoạch tài chính đi qua những bước nào? | Sơ đồ các bước xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân do nhóm dựng lại | 45 phút |
| 27 | Máy chia khoản chi có hợp với hoàn cảnh nhà em không? | Phiếu đối chiếu gợi ý của máy với chi tiêu thật, có cột lí do không khớp | 45 phút |
| 28 | Bốn bạn trong bốn tình huống nên xử sự thế nào? | Bốn phương án ứng xử thể hiện trách nhiệm, tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó | 45 phút |
| 29 | Hai nhận định nghe rất thuận tai kia có đúng không? | Bài phản biện hai nhận định, có lí lẽ, dẫn chứng và quan điểm trái chiều | 45 phút |
| 30 | Mục tiêu tài chính của em là gì và cần bao nhiêu tiền? | Phần đầu kế hoạch tài chính cá nhân: mục tiêu, số tiền cần, số đã có, số còn thiếu | 45 phút |
| 31 | Em kiếm thêm và tiết kiệm bằng cách nào cho đủ? | Bảng thu – chi – tồn của kế hoạch tài chính cá nhân và danh sách người hỗ trợ | 45 phút |
| 32 | Em sẽ rèn luyện tiếp những gì sau chủ đề này? | Kế hoạch rèn luyện bốn phẩm chất và phiếu tự đánh giá chủ đề | 45 phút |

# TIẾT 19. BIỂU HIỆN CỦA NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM

**Hoạt động 1. Mở đầu – Việc ấy cuối cùng ai làm (8′)**

**a) Mục tiêu:** Khơi lên nhu cầu rèn luyện bản thân và làm xuất hiện câu hỏi thế nào là làm việc có trách nhiệm.

**b) Nội dung:** Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 18 với hình bạn học sinh bước lên những bậc thang đi lên, rồi nêu một chuyện quen thuộc: nhóm bốn bạn được giao làm báo tường, đến hạn chỉ có một bạn thức làm nốt. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách những từ lớp dùng để gọi tên người làm việc có trách nhiệm, ghi trên bảng lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′):** Giáo viên chiếu tranh mở đầu ở sách giáo khoa trang 18, kể tình huống báo tường và phát Phụ lục 1, yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (3′):** Học sinh viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em nghĩ về nhóm mình từng làm chứ không nói chuyện chung chung.

**3. Báo cáo, thảo luận (3′):** Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những từ các em dùng và gom lại thành hai cột: làm xong việc của mình và giúp người khác cùng xong việc.

**4. Kết luận, nhận định (1′):** GV chốt: Hai cột trên bảng chính là hai mặt của trách nhiệm mà chủ đề này sẽ đi tới, và cả hai đều là thứ rèn luyện được chứ không phải trời cho.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 19, từ trách nhiệm, tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó đến tư duy phản biện và kế hoạch tài chính cá nhân.

**b) Nội dung:** Mười sáu nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 19 đến tiết 29, bám tám hoạt động của sách giáo khoa trang 20 đến trang 25.

**c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 2.1. Hai nhóm biểu hiện của người có trách nhiệm (37′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được biểu hiện của người có trách nhiệm trong công việc và trong việc hỗ trợ người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc hai thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 20: trách nhiệm trong công việc là bảo đảm hoàn thành các công việc được giao; trách nhiệm trong việc hỗ trợ người khác là hướng dẫn cách làm, cho lời khuyên. Các nhóm bổ sung thêm biểu hiện cho mỗi thẻ, mỗi biểu hiện kèm một việc có thật ở lớp mình.

**c) Sản phẩm:** Bảng hai nhóm biểu hiện trên giấy A3 của nhóm, mỗi nhóm ít nhất bốn biểu hiện, mỗi biểu hiện kèm một việc thật; những biểu hiện dễ nhầm được đánh dấu riêng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, chiếu hai thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 20 và nêu rõ mỗi biểu hiện phải kèm một việc có thật.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Các nhóm liệt kê biểu hiện và tìm việc thật minh chứng. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào ghi chung chung: nếu bạn ấy không làm thế thì hậu quả rơi vào ai, và giúp bạn kiểu nào thì bạn tiến bộ, kiểu nào lại thành làm hộ.

**3. Báo cáo, thảo luận (10′):** Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại nêu biểu hiện mình xếp khác và giải thích, đặc biệt ở ranh giới giữa hỗ trợ và làm thay.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Trách nhiệm không dừng ở việc mình xong phần mình. Người có trách nhiệm với việc chung còn để mắt xem ai đang mắc kẹt và giúp bạn tự làm được, chứ không giành làm thay rồi kể công.

## TIẾT 20. TỰ SOI TRÁCH NHIỆM CỦA BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã dựng xong bảng biểu hiện của người có trách nhiệm. Tiết này lấy chính bảng ấy làm thước đo, soi lại việc mình đã nhận và đã làm.

### Nhiệm vụ 2.2. Nhìn lại trách nhiệm của em với nhiệm vụ được giao (20′)

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được việc bản thân đã làm tốt và chưa làm tốt khi thực hiện nhiệm vụ được giao, có dẫn chứng cụ thể.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 20, mỗi học sinh nhớ lại ba nhiệm vụ gần nhất mình được giao ở lớp, ở nhà hoặc ở nhóm bạn, rồi tự chấm theo bảng biểu hiện tiết trước với ba mức: làm đủ và đúng hạn, làm nhưng muộn hoặc qua loa, chưa làm.

**c) Sản phẩm:** Phiếu tự soi trách nhiệm của mỗi học sinh với ba nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ có mức tự chấm và một câu giải thích vì sao lại ở mức đó.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu ba mức tự chấm và nhắc quy ước: phiếu này để tự sửa, không lấy điểm, không so sánh giữa các em.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh làm phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chấm mức nào cũng tốt bằng câu hỏi: việc ấy em nộp đúng hạn hay có người phải nhắc, và ai là người chịu hậu quả khi em chậm.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba học sinh xung phong chia sẻ một nhiệm vụ mình làm chưa tốt và lí do thật. Lớp nghe, không bình luận về người, chỉ nêu mình cũng từng gặp hoàn cảnh tương tự.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Lí do nào cũng có thể tìm ra, nhưng việc chung thì vẫn nằm đó chờ người làm. Bước đầu của trách nhiệm là nhận đúng phần mình đã bỏ lỡ, không tìm chỗ đổ lỗi.

### Nhiệm vụ 2.3. Nhận một việc chung của lớp và cam kết thực hiện (22′)

**a) Mục tiêu:** Thực hiện được trách nhiệm khi nhận một nhiệm vụ chung của lớp và hỗ trợ được người cùng tham gia.

**b) Nội dung:** Lớp lập danh sách những việc chung đang cần người trong tháng này như trực nhật, trang trí lớp, giúp bạn học yếu môn nào đó, chuẩn bị tiết sinh hoạt dưới cờ. Mỗi học sinh nhận một việc, ghi rõ mình làm gì, làm khi nào, làm cùng ai và sẽ hỗ trợ bạn nào trong nhóm.

**c) Sản phẩm:** Thẻ cam kết của mỗi học sinh gồm bốn dòng: việc nhận, thời hạn, người cùng làm, phần hỗ trợ dành cho bạn; toàn bộ thẻ được dán thành bảng phân công của lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên cùng lớp lập danh sách việc chung đang cần người, phát mỗi em một thẻ giấy và nêu rõ bốn dòng bắt buộc phải ghi.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh chọn việc và viết thẻ, sau đó những em cùng một việc ngồi lại thống nhất ai làm phần nào. Giáo viên nhắc mỗi nhóm phải có một dòng nói rõ nếu một bạn bận đột xuất thì ai đỡ phần bạn ấy.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Các nhóm việc lần lượt đọc phân công. Lớp góp ý cho những việc còn chưa rõ thời hạn hoặc chưa rõ người thay thế, rồi dán thẻ thành bảng phân công chung.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Một lời hứa chỉ thành trách nhiệm khi nói rõ làm gì, xong lúc nào và ai đỡ khi mình vướng. Bảng phân công này sẽ được lấy ra đối chiếu ở tiết cuối chủ đề.

## TIẾT 21. TỰ CHỦ, TỰ TRỌNG VÀ Ý CHÍ VƯỢT KHÓ

**Kết nối hai tiết (3′):** Hai tiết đầu lớp đã làm rõ chuyện trách nhiệm với việc được giao. Tiết này thêm ba phẩm chất đi kèm, ba thứ quyết định em có giữ được việc mình đã nhận hay không.

**Nhiệm vụ 2.4. Phân biệt ba phẩm chất qua việc làm cụ thể (42′)**

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra được những việc làm thể hiện sự tự chủ, lòng tự trọng và ý chí vượt khó; phân biệt được ba phẩm chất này qua việc làm cụ thể.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 20: việc làm thể hiện sự tự chủ là quyết định tham gia câu lạc bộ phù hợp với sở thích và khả năng của bản thân, không theo người khác hoặc số đông; việc làm thể hiện ý chí vượt khó là vượt lên khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao; việc làm thể hiện sự tự trọng là hoàn thành công việc được giao. Mỗi nhóm bổ sung thêm việc làm cho từng cột và thử xếp một số việc khó phân định.

**c) Sản phẩm:** Bảng ba cột của nhóm trên giấy A3, mỗi cột ít nhất bốn việc làm; riêng hai việc khó phân định được ghi ở giữa hai cột kèm lí giải của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chiếu ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 20, kẻ ba cột lên bảng và giao thêm hai việc khó phân định để nhóm thử xếp: từ chối chép bài cho bạn dù bạn giận, và tự nhận lỗi trước lớp khi không ai biết mình sai.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm điền ba cột và tranh luận về hai việc khó. Giáo viên gợi ý bằng ba câu hỏi phân biệt: việc này em tự quyết hay theo số đông, việc này em làm vì sợ mất mặt hay vì thấy phải như thế, và việc này khó ở chỗ nào mà cần cố gắng.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Bốn nhóm trình bày bảng, tập trung vào hai việc khó phân định. Lớp phản biện: cùng một việc có thể vừa là tự trọng vừa là vượt khó không, và vì sao.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Tự chủ là tự mình quyết và chịu trách nhiệm về quyết định đó; tự trọng là giữ giá trị của mình ngay cả khi không ai nhìn; ý chí vượt khó là vẫn đi tiếp khi việc trở nên nặng. Ba thứ này thường xuất hiện cùng nhau trong một việc, và ranh giới không phải lúc nào cũng cần tách bạch.

## TIẾT 22. PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã phân biệt được ba phẩm chất trên lí thuyết. Tiết này soi ba phẩm chất ấy trong một câu chuyện có thật ở sách và trong hoàn cảnh của chính mình.

**Nhiệm vụ 2.5. Tự chủ, tự trọng, vượt khó trong tình huống của Vinh (20′)**

**a) Mục tiêu:** Xác định được những việc làm thể hiện sự tự chủ, tự trọng và ý chí vượt khó trong tình huống cụ thể ở sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc tình huống ở sách giáo khoa trang 21: từ ngày bố mẹ đi làm xa, hai anh em Vinh chuyển đến ở cùng ông bà; Vinh sắp xếp thời gian, phân công công việc hợp lí giữa việc học và giúp đỡ ông bà, hứa với bố mẹ chăm sóc và bảo ban em trai học hành, còn tranh thủ làm thêm những công việc phù hợp khả năng; anh họ muốn giúp nhưng Vinh nói khi nào thực sự khó khăn sẽ nhờ. Nhóm gạch ra từng việc làm của Vinh và xếp vào ba phẩm chất.

**c) Sản phẩm:** Phiếu phân tích của nhóm: mỗi dòng là một việc làm của Vinh, cột bên cạnh ghi việc ấy thể hiện phẩm chất nào và vì sao.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên đọc to tình huống ở sách giáo khoa trang 21 và giao nhiệm vụ gạch chân từng việc làm của Vinh trước khi xếp loại.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm gạch việc làm và xếp vào ba phẩm chất. Giáo viên lưu ý một chi tiết dễ bỏ qua là câu trả lời của Vinh với anh họ, và hỏi: câu ấy cho thấy điều gì ở Vinh.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày. Lớp tranh luận riêng về câu Vinh từ chối nhận giúp: đó là tự trọng hay là bướng bỉnh, và ranh giới nằm ở đâu.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Vinh tự chủ khi sắp xếp được việc học và việc nhà, tự trọng khi không dựa dẫm lúc mình còn xoay xở được, vượt khó khi vẫn giữ kết quả học tập tốt giữa bộn bề. Tự trọng không có nghĩa là từ chối mọi giúp đỡ, mà là biết lúc nào thật sự cần nhờ.

**Nhiệm vụ 2.6. Liên hệ ba phẩm chất với hoàn cảnh của chính em (22′)**

**a) Mục tiêu:** Chia sẻ được việc bản thân đã thực hiện sự tự chủ, tự trọng và ý chí vượt khó; xác định được một khó khăn đang gặp và cách vượt qua.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ ba ở sách giáo khoa trang 21, mỗi học sinh kể một việc mình đã tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, một lần mình giữ được lòng tự trọng, một khó khăn mình đã hoặc đang phải vượt qua; sau đó ghi cách mình định vượt qua khó khăn ấy và người có thể hỗ trợ.

**c) Sản phẩm:** Phiếu liên hệ của mỗi học sinh gồm ba việc thật và một dòng ghi khó khăn hiện tại kèm cách vượt qua, người hỗ trợ.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chia sẻ trước một khó khăn nhỏ của chính mình thời đi học và cách vượt qua, để lớp thấy an toàn khi nói thật; nhắc lại quy ước không mang chuyện của bạn ra ngoài.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp với bạn mình tin tưởng. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí phần khó khăn: việc gì tuần này khiến em ngại nhất khi nghĩ tới.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Bốn học sinh tự nguyện chia sẻ trước lớp. Lớp góp ý cách vượt qua và chỉ ra người hỗ trợ có thể tìm ngay trong lớp, trong trường.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Khó khăn của mỗi người mỗi khác nên không so bì được. Điều chung là ai cũng cần biết mình đang vướng ở đâu và ai có thể đỡ mình một tay, vì nhờ đúng người đúng lúc cũng là một biểu hiện của tự chủ.

## TIẾT 23. BIỂU HIỆN VÀ YÊU CẦU CỦA TƯ DUY PHẢN BIỆN

**Kết nối hai tiết (3′):** Bốn tiết vừa qua lớp rèn cách làm việc và cách giữ mình. Tiết này chuyển sang rèn cách nghĩ: làm sao để không tin vội và cũng không cãi bừa.




*Sơ đồ các yêu cầu khi tư duy phản biện, có một ô để trống — SGK trang 21*

**Nhiệm vụ 2.7. Biểu hiện của người có tư duy phản biện (20′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được biểu hiện của người có tư duy phản biện và chỉ ra được biểu hiện mà bản thân đã có.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc bốn biểu hiện gợi ý ở sách giáo khoa trang 21: luôn tự đặt nhiều câu hỏi về sự vật, hiện tượng; luôn suy nghĩ từ nhiều góc độ khác nhau; luôn chủ động tìm hiểu những lí lẽ và dẫn chứng khi đánh giá; tiếp nhận và phân tích những thông tin, quan điểm trái chiều trước khi đánh giá. Mỗi nhóm bổ sung một biểu hiện, sau đó mỗi em tự đánh dấu biểu hiện mình đã có kèm một ví dụ.

**c) Sản phẩm:** Danh sách năm biểu hiện của nhóm; phiếu cá nhân đánh dấu biểu hiện bản thân đã có, mỗi biểu hiện được đánh dấu phải kèm một ví dụ thật.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên nêu bốn biểu hiện ở sách giáo khoa trang 21 và giao nhiệm vụ bổ sung biểu hiện thứ năm cho mỗi nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm thảo luận và bổ sung, sau đó mỗi em tự đánh dấu trên phiếu. Giáo viên nhắc em nào đánh dấu đủ cả năm: hãy tìm một ví dụ thật cho từng dấu, không có ví dụ thì bỏ dấu đó đi.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm đọc biểu hiện mình bổ sung. Lớp chọn ra biểu hiện khó thực hiện nhất và nói vì sao khó.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Phản biện không phải là bắt bẻ cho vui hay phản đối mọi thứ. Một biểu hiện thường khó thực hiện là chịu đọc quan điểm trái với mình trước khi kết luận, vì việc đó đòi hỏi ta chấp nhận rằng mình có thể sai.

**Nhiệm vụ 2.8. Sáu yêu cầu khi tư duy phản biện (22′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các yêu cầu khi tư duy phản biện và vận dụng được bộ câu hỏi vào một nhận định cụ thể.

**b) Nội dung:** Từ sơ đồ ở sách giáo khoa trang 21 gồm suy nghĩ độc lập; đặt ra các câu hỏi như thế nào, tại sao, khi nào, ở đâu, với ai, cái gì; cập nhật và sàng lọc, kiểm tra độ tin cậy của thông tin; lắng nghe các quan điểm khác nhau; tư duy mở; và một ô để trống, các nhóm điền ô còn trống rồi tập dùng bộ sáu câu hỏi để mổ xẻ một nhận định do giáo viên đưa ra.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ sáu ô đã điền đủ của nhóm; sáu câu hỏi cụ thể mà nhóm đặt ra cho nhận định được giao, kèm điều nhóm cần biết thêm để trả lời.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu sơ đồ ở sách giáo khoa trang 21, giao mỗi nhóm một nhận định quen thuộc, ví dụ học ban tự nhiên thì dễ xin việc hơn, và yêu cầu đặt đủ sáu câu hỏi.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm điền ô trống và đặt sáu câu hỏi cho nhận định được giao. Giáo viên nhắc câu hỏi phải giúp kiểm tra được nhận định, không phải câu hỏi để bác bỏ ngay.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày sáu câu hỏi của mình. Lớp chỉ ra câu hỏi nào sắc nhất, tức là câu mà nếu trả lời được thì nhận định kia sáng tỏ hẳn.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Bộ sáu câu hỏi là công cụ dùng được cho mọi nhận định, kể cả nhận định của chính mình. Và trước khi đánh giá thì phải kiểm độ tin cậy của thông tin, vì lí lẽ hay mà dựng trên tin sai thì vẫn đổ.

## TIẾT 24. TỰ SOI NĂNG LỰC SỐ CỦA BẢN THÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tư duy phản biện ở tiết trước cần đến việc kiểm độ tin cậy của thông tin, mà phần lớn thông tin ngày nay đến từ điện thoại và máy tính. Tiết này soi lại chính thói quen dùng thiết bị của mình.

**Nhiệm vụ 2.9. Đối chiếu bảng chỉ báo năng lực số với việc em thường làm (20′)**

**a) Mục tiêu:** Đối chiếu được bảng chỉ báo năng lực số với những việc bản thân thường làm khi dùng điện thoại, máy tính ở nhà và chỉ ra được hai chỉ báo bản thân còn yếu kèm minh chứng.

**b) Nội dung:** Giáo viên phát bản in bảng chỉ báo năng lực số rút gọn gồm các nhóm việc như tìm và sàng lọc thông tin, kiểm tra độ tin cậy của nguồn, giữ an toàn tài khoản và thông tin cá

nhân, giao tiếp lịch sự trên mạng, quản lí thời gian dùng thiết bị. Mỗi học sinh đối chiếu từng chỉ báo với việc mình thường làm ở nhà và tự chấm ba mức, rồi chọn ra hai chỉ báo yếu nhất kèm minh chứng.

**c) Sản phẩm:** Phiếu tự soi năng lực số ở mục C Phụ lục 1, có hai chỉ báo được đánh dấu là còn yếu, mỗi chỉ báo kèm một việc thật làm minh chứng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên phát bản in bảng chỉ báo, giải thích ba mức tự chấm và nhắc rõ phiếu này không thu, không chấm điểm, chỉ để mỗi em biết mình đang ở đâu.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh đối chiếu và tự chấm. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng ba câu hỏi: lần gần nhất em chia sẻ một tin mà chưa kiểm nguồn là khi nào, em có dùng chung một mật khẩu cho nhiều nơi không, và mỗi tối em dùng điện thoại bao lâu so với dự định.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Bốn học sinh chia sẻ một chỉ báo mình còn yếu và minh chứng. Lớp thống kê nhanh trên bảng xem chỉ báo nào nhiều em cùng yếu.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Chỉ báo mà cả lớp cùng yếu thường là kiểm nguồn tin và quản lí thời gian dùng thiết bị. Biết mình yếu ở đâu mới đặt được việc cần sửa; tự chấm mà mức nào cũng tốt thì phiếu này thành vô ích.

**Nhiệm vụ 2.10. Đặt hai việc cụ thể để cải thiện năng lực số (22′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được hai việc cụ thể để cải thiện hai chỉ báo năng lực số còn yếu, có mốc thời gian và dấu hiệu nhận biết đã làm được.

**b) Nội dung:** Từ hai chỉ báo yếu vừa xác định, mỗi học sinh viết hai việc sẽ làm trong bốn tuần tới, mỗi việc ghi rõ làm gì, bắt đầu từ khi nào, mấy lần một tuần và nhìn vào đâu thì biết đã làm được. Hai việc này được ghi vào phiếu kế hoạch rèn luyện ở mục D Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Hai dòng kế hoạch cải thiện năng lực số của mỗi học sinh, đủ bốn thông tin: việc, mốc bắt đầu, tần suất, dấu hiệu nhận biết.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên làm mẫu một dòng trên bảng với chỉ báo kiểm nguồn tin: trước khi chia sẻ một tin, mở thêm hai nguồn khác để đối chiếu, bắt đầu từ thứ hai tuần sau, dấu hiệu là ghi lại được ba lần đã đối chiếu trong sổ tay.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết hai dòng kế hoạch. Giáo viên đi một vòng, yêu cầu em nào viết việc quá lớn như dùng điện thoại ít lại thì đổi thành số cụ thể và thời điểm cụ thể.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em kiểm kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: việc này có làm được trong tuần này không, và dấu hiệu đã đủ rõ để tự kiểm chưa. Bốn em đọc kế hoạch trước lớp.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Năng lực số không tăng lên nhờ đọc lí thuyết mà nhờ đổi vài thói quen nhỏ, lặp lại đủ nhiều. Việc càng cụ thể thì càng dễ giữ, và dấu hiệu càng rõ thì càng biết mình có thật sự làm hay không.

# TIẾT 25. CÁC LOẠI KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH CỦA BẠN TRANG

**Kết nối hai tiết (3′):** Từ tiết này chủ đề bước vào phần dài nhất và cụ thể nhất: chuyện tiền nong của chính các em. Bắt đầu bằng việc đọc cho hiểu một kế hoạch đã có sẵn trong sách.

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

**Mục tiêu:** Mua 1 chiếc máy tính phục vụ học tập, giá 5 000 000 đồng

**Thời gian thực hiện:** 6 tháng (từ ngày… tháng... đến ngày... tháng...)

**Số tiền hiện có:** Tiền để dành được: 3 510 000 đồng; tiền tiêu vặt tiết kiệm được: 254 000 đồng

**Số tiền còn thiếu để thực hiện mục tiêu:** 1 236 000 đồng

**Biện pháp cần thực hiện để có thêm thu nhập thực hiện mục tiêu tài chính:**

– Làm rau mầm, nước giải khát, đồ thủ công,… để bán

– Thu gom giấy báo cũ, vỏ chai,... để bán

– Tiết kiệm tiền tiêu vặt trong 6 tháng

**Kế hoạch thực hiện cụ thể:**

| | Nội dung | Thu (đ) | Chi (đ) | Tồn (đ) |
|---|---|---|---|---|
| | Số tiền hiện có | 3 764 000 | | |
| Tháng 1 | – Mua khay và hạt làm rau mầm | | 150 000 | |
| | – Bán rau mầm | 220 000 | | |
| | – Mua nguyên liệu làm nước giải khát | | 50 000 | |
| | – Bán nước giải khát (số cốc) | 86 000 | | |
| | – Làm đồ thủ công | 70 000 | 40 000 | |
| | – Bán phế liệu | 20 000 | | |
| | – Tiết kiệm tiền tiêu vặt | 50 000 | | |
| | | | | 3 970 000 |

*Kế hoạch tài chính của bạn Trang và bảng thu – chi – tồn tháng 1 — SGK trang 22*

**Nhiệm vụ 2.11. Ba loại kế hoạch tài chính cá nhân (20′)**

**a) Mục tiêu:** Kể được ba loại kế hoạch tài chính cá nhân và phân biệt được chúng qua thời gian thực hiện cùng quy mô mục tiêu.

**b) Nội dung:** Từ ba thẻ ở sách giáo khoa trang 22 gồm kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, các nhóm nêu thời gian ước chừng của từng loại và cho mỗi loại một ví dụ mục tiêu phù hợp với lứa tuổi mình.

**c) Sản phẩm:** Bảng ba loại kế hoạch của nhóm, mỗi loại có thời gian ước chừng và hai ví dụ mục tiêu thật sự phù hợp với học sinh lớp 10.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′):** Giáo viên chiếu ba thẻ ở sách giáo khoa trang 22 và giao nhiệm vụ: nêu thời gian ước chừng và ví dụ mục tiêu cho từng loại.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm thảo luận và điền bảng. Giáo viên nhắc ví dụ phải là mục tiêu mà chính các em có thể theo đuổi, không lấy ví dụ mua nhà mua xe của người lớn.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Ba nhóm trình bày. Lớp so sánh và thống nhất khoảng thời gian tương đối cho ba loại, đồng thời nhận ra cùng một mục tiêu nhưng số tiền khác nhau thì loại kế hoạch cũng khác.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Loại kế hoạch không do sách quy định cứng mà do khoảng cách giữa số tiền cần và khả năng dành dụm của em quyết định. Mục tiêu càng xa thì càng phải chia nhỏ thành nhiều chặng.

**Nhiệm vụ 2.12. Đọc và kiểm lại kế hoạch tài chính của bạn Trang (22′)**

**a) Mục tiêu:** Đọc hiểu được một kế hoạch tài chính cá nhân đã có sẵn, chỉ ra được các thành phần của kế hoạch và kiểm lại được các phép tính trong đó.

**b) Nội dung:** Học sinh đọc khung kế hoạch tài chính ở sách giáo khoa trang 22 và trang 23 của bạn Trang với mục tiêu mua một chiếc máy tính phục vụ học tập giá 5 000 000 đồng trong 6 tháng; số tiền hiện có gồm tiền để dành được 3 510 000 đồng và tiền tiêu vặt tiết kiệm được 254 000 đồng; số tiền còn thiếu để thực hiện mục tiêu là 1 236 000 đồng. Nhóm gọi tên từng thành phần của kế hoạch, rồi tự cầm bút cộng trừ để kiểm lại ba chỗ: số tiền hiện có, số tiền còn thiếu và dòng tồn cuối tháng 1.

**c) Sản phẩm:** Phiếu đọc hiểu của nhóm: danh sách các thành phần của kế hoạch và ba phép tính đã kiểm lại, mỗi phép tính ghi rõ kết quả nhóm tính được và kết quả sách ghi.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 22, giao nhiệm vụ gọi tên các thành phần và đặc biệt yêu cầu mỗi nhóm tự cầm bút kiểm lại ba phép tính, không tin ngay vào con số in sẵn.

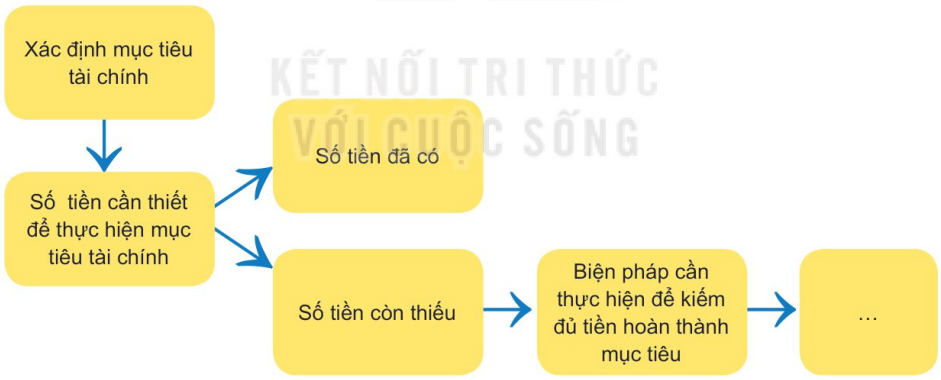
**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Các nhóm liệt kê thành phần và làm phép tính. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc cộng riêng cột thu và cột chi của khối tháng 1 rồi mới đối chiếu với dòng tồn.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Ba nhóm trình bày kết quả kiểm tra. Lớp đối chiếu: số tiền hiện có 3 510 000 cộng 254 000 bằng 3 764 000 đồng, khớp với dòng đầu bảng; số còn thiếu 5 000 000 trừ 3 764 000 bằng 1 236 000 đồng, khớp với số sách ghi; tồn cuối tháng 1 là 3 764 000 cộng thu 446 000 trừ chi 240 000 bằng 3 970 000 đồng, cũng khớp.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Một kế hoạch tài chính phải tự khớp với nhau ở mọi dòng thì mới dùng được, và cách duy nhất để biết là cầm bút cộng lại. Thói quen kiểm số này còn quan trọng hơn việc nhớ mẫu bảng, vì sau này em sẽ gặp nhiều bảng số do người khác đưa cho.

## TIẾT 26. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã mổ xẻ xong kế hoạch của bạn Trang. Tiết này rút ra quy trình chung để lát nữa mỗi em tự làm cho mình một bản.




*Sơ đồ các bước xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân — SGK trang 23*

**Nhiệm vụ 2.13. Dựng lại sơ đồ các bước và tập ước tính (42′)**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các bước xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân và tập ước tính số tiền cần, số đã có, số còn thiếu cho một mục tiêu giả định.

**b) Nội dung:** Từ sơ đồ ở sách giáo khoa trang 23 gồm xác định mục tiêu tài chính, số tiền cần thiết để thực hiện mục tiêu, tách thành số tiền đã có và số tiền còn thiếu, rồi đến biện pháp cần thực hiện để kiếm đủ tiền hoàn thành mục tiêu và một ô để trống, các nhóm dựng lại sơ đồ, điền ô cuối, sau đó chạy thử toàn bộ quy trình với một mục tiêu giả định do nhóm tự chọn. Sách còn gợi ý bốn điều cần xác định là thời gian thực hiện kế hoạch, loại kế hoạch, mục tiêu kế hoạch và cách thức thực hiện kế hoạch.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ các bước của nhóm trên giấy A3, có điền ô cuối; kèm một bản chạy thử cho mục tiêu giả định với đủ số tiền cần, số đã có, số còn thiếu và hai biện pháp kiếm thêm.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chiếu sơ đồ ở sách giáo khoa trang 23, phát giấy A3 và giao hai việc: dựng lại sơ đồ có điền ô cuối, rồi chạy thử với một mục tiêu giả định của nhóm.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm dựng sơ đồ và chạy thử. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc kiểm hai chỗ hay sai: số tiền cần phải là giá thật đi hỏi hoặc tra được, và số còn thiếu phải bằng số cần trừ số đã có, không ước lượng cho tròn.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Bốn nhóm trình bày sơ đồ và bản chạy thử. Lớp phản biện bằng hai câu hỏi: giá này nhóm lấy ở đâu ra, và hai biện pháp kiếm thêm kia có làm được trong thời gian đã định không.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Quy trình gồm bốn bước lớn là chốt mục tiêu, tính số tiền cần, trừ ra số còn thiếu và tìm cách bù phần thiếu. Bước hay bị làm ẩu nhất là tính số tiền cần, vì chỉ cần ước sai ở đây thì cả kế hoạch phía sau đều lệch.

## TIẾT 27. MÁY GỢI Ý CHIA KHOẢN CHI VÀ CHI TIÊU THẬT CỦA EM

**Kết nối hai tiết (3′):** Lớp đã có quy trình lập kế hoạch tài chính. Tiết này thử một việc nhiều người hay làm: hỏi máy xem nên chia tiền thế nào, rồi xem lời khuyên ấy có vừa với nhà mình không.

**Nhiệm vụ 2.14. Đối chiếu gợi ý chia khoản chi của máy với chi tiêu thật (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đối chiếu được gợi ý chia các khoản chi trong tháng do phần mềm trí tuệ nhân tạo đưa ra với bảng chi tiêu thật của bản thân, chỉ ra được khoản nào không khớp với hoàn cảnh gia đình và giải thích được vì sao máy lại nêu như vậy.

**b) Nội dung:** Giáo viên chiếu trên máy của lớp và phát bản in gợi ý chia các khoản chi trong tháng mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo đưa ra cho câu hỏi học sinh lớp 10 nên chia tiền tiêu vặt hằng tháng thế nào, trong đó có những khoản như tiền ăn vặt, tiền đi lại, tiền mua sách, tiền giải trí, tiền tiết kiệm theo một tỉ lệ nhất định. Học sinh dùng bảng thu chi hai tuần mình đã ghi ở nhà để đối chiếu từng khoản, đánh dấu khoản không khớp và ghi lí do vào phiếu ở mục C Phụ lục 1.

**c) Sản phẩm:** Phiếu đối chiếu của mỗi học sinh gồm ba cột: khoản chi máy gợi ý, thực tế của em, lí do không khớp; có ít nhất hai khoản được đánh dấu không khớp kèm lí do gắn với hoàn cảnh thật.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chiếu gợi ý của máy, phát bản in và nhắc lại quy ước về tiền của lớp: mọi con số đưa ra thảo luận chung là số đã làm tròn, không so bì hoàn cảnh, không ai phải kể thu nhập của bố mẹ. Sau đó nêu nhiệm vụ đối chiếu từng khoản.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Học sinh đối chiếu bảng chi tiêu hai tuần của mình với gợi ý của máy và điền phiếu ba cột. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng ba câu hỏi: khoản nào máy nêu mà em không hề có, khoản nào em có mà máy không nhắc tới, và tỉ lệ máy đưa ra có hợp với số tiền thật em được cầm mỗi tuần không.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Sáu học sinh chia sẻ một khoản không khớp và lí do. Lớp gom thành danh sách những kiểu lệch thường gặp, rồi cùng trả lời câu hỏi vì sao máy lại nêu như vậy: nó học từ rất nhiều bài viết trên mạng, phần lớn của người đi làm hoặc của nước khác, nên tỉ lệ nó đưa ra là mức trung bình của đám đông ấy chứ không phải của gia đình em.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Máy trả lời dựa trên dữ liệu nó đã học, mà dữ liệu ấy không có nhà em trong đó. Vì thế mọi lời khuyên về tiền do máy đưa ra chỉ là điểm khởi đầu để tham khảo; người quyết định cuối cùng phải là em, dựa vào số tiền thật mình có và hoàn cảnh thật của gia đình.

## TIẾT 28. THỰC HÀNH ỨNG XỬ TRONG BỐN TÌNH HUỐNG

**Kết nối hai tiết (3′):** Chín tiết vừa qua lớp đã học đủ trách nhiệm, tự chủ, tự trọng, vượt khó và cách nghĩ có phản biện. Tiết này đem tất cả ra dùng trong bốn tình huống của sách.

**Nhiệm vụ 2.15. Xử lí bốn tình huống thể hiện bốn phẩm chất (42′)**

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được cách thể hiện trách nhiệm, tự chủ, tự trọng và ý chí vượt khó trong bốn tình huống cụ thể ở sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Bốn tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 24: Quân được chuyển đến học tại trường mới mà ở đó các bạn đều học giỏi môn Tin học, một số bạn có thái độ coi thường Quân khi thực hiện nhiệm vụ chung; Vân được phân công làm một video clip về bảo tồn cảnh

quan thiên nhiên ở địa phương nhưng bạn chưa thành thạo kĩ thuật dựng clip; Phương là đội trưởng đội tuyển điền kinh của trường, gần đến ngày thi đấu thì không may bị chấn thương khi luyện tập; Ngọc và Tuấn là đôi bạn học cùng lớp, Ngọc học tốt tiếng Anh trong khi Tuấn lại gặp khó khăn trong việc học tiếng Anh. Mỗi nhóm nhận một tình huống, xây dựng phương án ứng xử và đóng vai.

**c) Sản phẩm:** Phương án ứng xử của mỗi nhóm cho một tình huống, nêu rõ việc nên làm ngay, việc làm tiếp theo, phẩm chất được thể hiện ở mỗi việc; kèm phần đóng vai trước lớp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên đọc bốn tình huống ở sách giáo khoa trang 24, bốc thăm chia tình huống cho các nhóm và nêu yêu cầu: mỗi việc đề xuất phải gọi được tên phẩm chất tương ứng.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm xây dựng phương án và tập đóng vai. Giáo viên đi từng nhóm với gợi ý riêng: nhóm của Quân chú ý ranh giới giữa tự trọng và tự ái, nhóm của Vân nghĩ xem học kĩ thuật dựng clip ở đâu và nhờ ai, nhóm của Phương cân nhắc giữa cố thi đấu và bàn giao cho người khác, nhóm của Ngọc và Tuấn tìm cách giúp mà không làm Tuấn thấy mình kém.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Bốn nhóm lần lượt đóng vai, mỗi nhóm khoảng ba phút. Sau mỗi lượt, lớp gọi tên phẩm chất đã thấy và nêu một cách xử sự khác cũng chấp nhận được.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Bốn tình huống này khác nhau nhưng cùng một mạch: đứng trước cái khó, người rèn luyện tốt sẽ tìm cách đi tiếp thay vì rút lui hoặc đổ cho hoàn cảnh. Riêng tình huống của Ngọc và Tuấn cho thấy giúp bạn cũng cần khéo, vì giúp sai cách thì bạn mất tự tin chứ không tiến bộ.

## TIẾT 29. RÈN LUYỆN TƯ DUY PHẢN BIỆN

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước lớp đã xử lí tình huống bằng bốn phẩm chất. Tiết này quay lại với cách nghĩ, đem bộ câu hỏi phản biện ra mổ xẻ hai nhận định nghe rất xuôi tai.

### Nhiệm vụ 2.16. Phản biện hai nhận định quen thuộc (42′)

**a) Mục tiêu:** Sử dụng được tư duy phản biện để nhận xét, đánh giá một nhận định: nêu được lí lẽ, dẫn chứng, xét đến quan điểm trái chiều và rút ra kết luận của riêng mình.

**b) Nội dung:** Hai nhận định nguyên văn ở sách giáo khoa trang 24: đại học là con đường ngắn nhất đến thành công; những người học giỏi bao giờ cũng là những người bạn tuyệt vời. Mỗi nửa lớp nhận một nhận định, dùng sáu yêu cầu tư duy phản biện đã học ở tiết 23 để đánh giá, sau đó chia sẻ nhận xét của mình và lắng nghe ý kiến của các bạn.

**c) Sản phẩm:** Bài phản biện của mỗi nhóm dài khoảng một trang giấy, gồm: cách hiểu nhận định, hai lí lẽ kèm dẫn chứng ủng hộ, hai lí lẽ kèm dẫn chứng phản bác, một câu kết luận cho thấy nhận định đúng trong điều kiện nào.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên viết hai nhận định lên bảng, chia nửa lớp mỗi bên một nhận định và nhắc luật phản biện: mỗi lí lẽ phải kèm dẫn chứng, bắt buộc phải viết cả phần trái với ý mình.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Các nhóm viết bài phản biện. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc bước hay bị bỏ qua là làm rõ nhận định đang nói gì, ví dụ thành công nghĩa là gì và bạn tuyệt vời nghĩa là gì; chưa rõ nghĩa thì tranh luận sẽ lệch nhau.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Bốn nhóm trình bày, hai nhóm cho mỗi nhận định. Lớp lắng nghe rồi nêu ý kiến đánh giá, tập trung vào chỗ hai nhóm cùng nhận định nhưng kết luận khác nhau.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Hai nhận định này đều có phần đúng nên mới được nhiều người nhắc lại, nhưng đều thiếu điều kiện đi kèm. Phản biện tốt không kết thúc bằng câu đúng hay sai mà bằng câu nhận định này đúng trong trường hợp nào và không đúng trong trường hợp nào.

## TIẾT 30. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH EM – PHẦN MỤC TIÊU

**Kết nối hai tiết (3′):** Mười một tiết vừa qua đã chuẩn bị đủ cả cách làm lẫn cách nghĩ. Ba tiết cuối dành để mỗi em làm ra một sản phẩm của riêng mình, bắt đầu từ việc chốt mục tiêu.

### Hoạt động 3. Luyện tập – Xác định mục tiêu tài chính và số tiền còn thiếu (20′)

**a) Mục tiêu:** Xác định được một mục tiêu tài chính ngắn hạn hoặc trung hạn cho bản thân, tính được số tiền cần thiết, số tiền đã có và số tiền còn thiếu.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 24, mỗi học sinh chọn một mục tiêu tài chính ngắn hạn hoặc trung hạn thật sự của mình, ghi rõ thời gian thực hiện và loại kế hoạch, rồi điền phần đầu bảng kế hoạch ở mục D Phụ lục 1 theo đúng khuôn của bạn Trang ở sách giáo khoa trang 22.

**c) Sản phẩm:** Phần đầu bản kế hoạch tài chính của mỗi học sinh, gồm mục tiêu, thời gian thực hiện, loại kế hoạch, số tiền cần thiết, số tiền hiện có và số tiền còn thiếu đã tính đúng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên nhắc lại khuôn kế hoạch của bạn Trang, nêu ba yêu cầu với mục tiêu: là việc của chính em, có giá tra được, và trong tầm sáu tháng trở lại.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (9′):** Học sinh điền phần đầu bảng kế hoạch. Giáo viên đi một vòng, kiểm hai chỗ: giá món đồ lấy ở đâu và phép trừ tìm số còn thiếu đã đúng chưa.

**3. Báo cáo, thảo luận (5′):** Học sinh trao đổi theo cặp, bạn kiểm giúp bạn phép tính và hỏi một câu: mục tiêu này có thật sự là điều em muốn trong sáu tháng tới không.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Mục tiêu tài chính tốt là mục tiêu đủ nhỏ để đạt được và đủ quan trọng để em chịu tiết kiệm vì nó. Chọn sai mục tiêu thì kế hoạch sẽ bỏ dở ngay tuần thứ hai.

### Nhiệm vụ 2.17. Biện pháp kiếm thêm và người có thể hỗ trợ (22′)

**a) Mục tiêu:** Đề xuất được các biện pháp phù hợp để có thêm thu nhập thực hiện mục tiêu tài chính và xác định được người có thể hỗ trợ mình.

**b) Nội dung:** Học sinh tham khảo phần biện pháp ở kế hoạch của bạn Trang tại sách giáo khoa trang 22 gồm làm rau mầm, nước giải khát, đồ thủ công để bán; thu gom giấy báo cũ, vỏ chai để bán; tiết kiệm tiền tiêu vặt trong 6 tháng; và phần người có thể hỗ trợ ở trang 23

gồm bố mẹ cho vay tiền vốn và tìm giúp nguồn tiêu thụ, bà ngoại hướng dẫn kĩ thuật làm rau mầm và làm đồ thủ công. Từ đó mỗi em viết biện pháp và người hỗ trợ cho kế hoạch của mình, bảo đảm các điều kiện an toàn đã thống nhất.

**c) Sản phẩm:** Danh sách ít nhất ba biện pháp kiếm thêm hoặc tiết kiệm của mỗi học sinh, mỗi biện pháp ghi rõ làm khi nào và ước chừng thu được bao nhiêu; kèm hai người có thể hỗ trợ và phần việc họ giúp.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′):** Giáo viên chiếu phần biện pháp và phần người hỗ trợ trong kế hoạch của bạn Trang, nhắc lại điều kiện an toàn: việc phù hợp sức khoẻ, bố mẹ biết và đồng ý, không làm vào giờ học, không đi xa một mình.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (10′):** Học sinh viết biện pháp và người hỗ trợ. Giáo viên đi một vòng, hỏi những em ghi biện pháp chung chung: em định làm việc ấy vào buổi nào trong tuần và một lần được khoảng bao nhiêu.

**3. Báo cáo, thảo luận (6′):** Sáu học sinh chia sẻ biện pháp của mình. Lớp góp ý về tính khả thi và về an toàn, chỉ ra biện pháp nào chiếm mất giờ học hoặc quá sức.

**4. Kết luận, nhận định (3′):** GV chốt: Biện pháp kiếm thêm của học sinh phải nhỏ, an toàn và không lấn giờ học. Ngoài ra, tiết kiệm đều đặn một khoản nhỏ thường khả thi và dễ kiểm soát hơn việc trông chờ vào một khoản lớn chưa chắc có.

## TIẾT 31. HOÀN THIỆN BẢNG THU – CHI – TỒN VÀ XIN Ý KIẾN GÓP Ý

**Kết nối hai tiết (3′):** Tiết trước mỗi em đã chốt mục tiêu và nghĩ ra cách kiếm thêm. Tiết này ráp tất cả vào bảng thu chi và mang đi hỏi ý kiến người khác.

**Nhiệm vụ 2.18. Lập bảng thu – chi – tồn cho kế hoạch của em (42′)**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng được bảng thu, chi, tồn của kế hoạch tài chính cá nhân sao cho số tồn cuối kì đạt được mục tiêu đã đặt ra; chia sẻ kế hoạch và điều chỉnh sau khi nghe góp ý.

**b) Nội dung:** Học sinh dựng bảng thu – chi – tồn theo đúng khuôn của bạn Trang ở sách giáo khoa trang 22 và trang 23 với các cột nội dung, thu, chi, tồn, chia theo từng tháng và có dòng tổng. Sau khi lập xong, mỗi em kiểm lại phép tính rồi trao đổi kế hoạch với bạn và ghi lại ý kiến góp ý để về nhà hỏi thêm người thân, đúng như yêu cầu ở sách giáo khoa trang 24.

**c) Sản phẩm:** Bảng thu – chi – tồn hoàn chỉnh của mỗi học sinh, có dòng tổng và số tồn cuối kì đạt mục tiêu; kèm ba ý kiến góp ý nhận được và một dòng ghi phần mình sẽ điều chỉnh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên chiếu lại bảng của bạn Trang, chỉ rõ cách ghi ba cột thu, chi, tồn và cách tính tồn của một tháng bằng tồn tháng trước cộng thu trừ chi; nhắc mỗi em phải có dòng tổng ở cuối.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (20′):** Học sinh lập bảng cho kế hoạch của mình rồi tự kiểm phép tính. Giáo viên đi một vòng, tập trung vào hai lỗi hay gặp: quên cộng dồn số tồn từ tháng trước và ghi khoản thu quá lạc quan so với biện pháp đã nêu.

**3. Báo cáo, thảo luận (12′):** Học sinh đổi kế hoạch trong nhóm bốn người, mỗi em nhận góp ý theo ba câu hỏi: số tồn cuối kì có đủ cho mục tiêu không, các khoản thu có thật sự làm được không, và có khoản chi nào bị bỏ sót không. Bốn em trình bày trước lớp.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Bảng thu chi là chỗ kế hoạch lộ ra có chạy được hay không, vì con số không nói khác đi được. Nếu tồn cuối kì chưa đủ thì phải sửa một trong ba thứ: kéo dài thời gian, hạ mục tiêu xuống, hoặc thêm biện pháp kiếm thêm và bớt khoản chi.

## TIẾT 32. KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN LÂU DÀI VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

**Kết nối hai tiết (3′):** Mười ba tiết vừa qua lớp đã rèn trách nhiệm, tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó, cách nghĩ phản biện và làm ra được một kế hoạch tài chính. Tiết cuối gói lại thành việc phải làm tiếp sau khi chủ đề khép lại.

**Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện kế hoạch và tự đánh giá chủ đề (42′)**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng và bắt đầu thực hiện được kế hoạch rèn luyện bốn phẩm chất cùng kế hoạch tài chính cá nhân; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo sáu tiêu chí của sách giáo khoa.

**b) Nội dung:** Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 25, học sinh thực hiện những việc làm cần thiết để rèn luyện trách nhiệm, tự trọng, tự chủ, ý chí vượt khó trong bốn tuần tiếp theo, mỗi tuần ghi một dòng nhật kí; đồng thời thực hiện kế hoạch tài chính đã lập và ghi lại số thu, số chi thật của tháng đầu. Cuối tiết, mỗi em hoàn thành phiếu tự đánh giá theo sáu tiêu chí ở khung Đánh giá trang 25 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt, đồng thời đối chiếu lại thẻ cam kết việc chung đã viết ở tiết 20.

**c) Sản phẩm:** Kế hoạch rèn luyện bốn phẩm chất của mỗi học sinh với ít nhất hai việc cụ thể kèm mốc thời gian; nhật kí bốn dòng; phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu, nộp vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′):** Giáo viên phát lại bảng phân công việc chung từ tiết 20 để mỗi em đối chiếu, sau đó chiếu sáu tiêu chí ở khung Đánh giá sách giáo khoa trang 25 và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm lớp đã làm trong chủ đề.

**2. Thực hiện nhiệm vụ (18′):** Học sinh viết kế hoạch rèn luyện bốn phẩm chất, ghép thêm hai việc cải thiện năng lực số đã đặt ở tiết 24, rồi đánh dấu phiếu tự đánh giá và ghi tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt. Giáo viên đi một vòng, giúp các em chưa nêu được dấu hiệu đo được.

**3. Báo cáo, thảo luận (14′):** Sáu học sinh chia sẻ kế hoạch rèn luyện và một tiêu chí mình chưa đạt cùng dự định làm tiếp. Lớp góp ý cách làm, sau đó cùng nhìn lại bảng phân công tiết 20 và nêu những việc đã hoàn thành, những việc còn dở.

**4. Kết luận, nhận định (5′):** GV chốt: Chủ đề này khép lại nhưng ba thứ còn chạy tiếp là kế hoạch rèn luyện bốn phẩm chất, hai việc cải thiện năng lực số và bản kế hoạch tài chính. Nhật kí cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho đánh giá thường xuyên, còn kết quả thật thì phải mấy tháng nữa mới thấy, khi em cầm được thứ mình đã dành dụm để mua.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

# PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 3 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

*Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……*

## A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Lần gần nhất em được giao một việc chung, em đã làm đến đâu?
2. Khi một bạn trong nhóm không làm phần của mình, nhóm em xoay xở thế nào?
3. Em muốn rèn luyện điều gì ở bản thân trong học kì này?

## B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 3

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu minh hoạ | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| *Gợi ý cách ghi →* | *Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.* | *Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tình huống minh hoạ.* | *Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.* |
| 1. Biểu hiện của người có trách nhiệm | | | |
| 2. Tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó | | | |
| 3. Tư duy phản biện | | | |
| 4. Kế hoạch tài chính cá nhân | | | |

## C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

### C1. Phiếu tự soi năng lực số của em

*Đối chiếu bảng chỉ báo thầy cô phát với việc em thường làm khi dùng điện thoại, máy tính ở nhà. Phiếu này không thu, không chấm điểm.*

| Chỉ báo năng lực số | Việc em thường làm ở nhà | Tự chấm (tốt / tạm được / còn yếu) | Minh chứng cụ thể |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

– Hai chỉ báo em còn yếu nhất: ……

– Hai việc em sẽ làm để cải thiện (ghi tiếp vào mục D): ……

### C2. Đối chiếu gợi ý chia khoản chi của máy với chi tiêu thật của em

*Số liệu em ghi ở đây có thể làm tròn. Không ai phải kể thu nhập của gia đình.*

| Khoản chi máy gợi ý | Thực tế của em | Khớp hay không khớp? | Lí do không khớp |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

| Khoản chi máy gợi ý | Thực tế của em | Khớp hay không khớp? | Lí do không khớp |
|---|---|---|---|
| | | | |

Trả lời hai câu hỏi sau:

1. Máy dựa vào dữ liệu nào để đưa ra cách chia các khoản chi này?

2. Vì sao gợi ý ấy có chỗ không hợp với hoàn cảnh gia đình em?

## D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

### D1. Kế hoạch tài chính cá nhân của em

– Mục tiêu tài chính: ……

– Thời gian thực hiện: …… Loại kế hoạch: ……

– Số tiền cần thiết: …… Số tiền hiện có: ……

– Số tiền còn thiếu: ……

– Biện pháp để có thêm thu nhập: ……

– Người có thể hỗ trợ em: ……

**Bảng thu – chi – tồn:**

| Thời gian | Nội dung | Thu (đ) | Chi (đ) | Tồn (đ) |
|---|---|---|---|---|
| | Số tiền hiện có | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | Tổng | | | |

### D2. Kế hoạch rèn luyện bản thân

| Điều em muốn rèn luyện | Việc cụ thể em sẽ làm | Thời gian thực hiện | Người hỗ trợ | Dấu hiệu cho thấy em đã làm được |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

# PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

## 1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| 1. Biểu hiện của người có trách nhiệm | SGK trang 20 chia trách nhiệm thành hai nhóm: trách nhiệm trong công việc và trách nhiệm trong việc hỗ trợ người khác; sau đó yêu cầu chia sẻ việc thể hiện tính trách nhiệm của bản thân khi thực hiện nhiệm vụ được giao. | Trách nhiệm trong công việc: bảo đảm hoàn thành các công việc được giao. Trách nhiệm trong việc hỗ trợ người khác: hướng dẫn cách làm, cho lời khuyên. | Làm xong phần mình mới là một nửa; phần còn lại là để mắt tới người đang mắc kẹt và giúp bạn tự làm được chứ không làm thay. |
| 2. Tự chủ, tự trọng, ý chí vượt khó | SGK trang 20 và 21 nêu ba việc làm minh hoạ cho ba phẩm chất, rồi đưa tình huống của bạn Vinh để phân tích và yêu cầu liên hệ bản thân. | Tự chủ: quyết định tham gia câu lạc bộ phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân, không theo người khác hoặc số đông. Ý chí vượt khó: vượt lên khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tự trọng: hoàn thành công việc được giao. Tình huống của Vinh: bố mẹ đi làm xa, Vinh sắp xếp việc học và việc giúp ông bà, làm thêm việc phù hợp khả năng, chỉ nhờ anh họ khi thực sự khó khăn. | Ba phẩm chất thường cùng xuất hiện trong một việc; tự trọng không phải là từ chối mọi giúp đỡ mà là biết lúc nào thật sự cần nhờ. |
| 3. Tư duy phản biện | SGK trang 21 nêu bốn biểu hiện của người có tư duy phản biện và sơ đồ sáu ô về các yêu cầu khi tư duy phản biện; trang 24 đưa hai nhận định để rèn luyện. | Bốn biểu hiện: tự đặt nhiều câu hỏi; suy nghĩ từ nhiều góc độ; chủ động tìm lí lẽ và dẫn chứng khi đánh giá; tiếp nhận và phân tích thông tin, quan điểm trái chiều trước khi đánh giá. Sáu ô yêu cầu gồm suy nghĩ độc lập; đặt ra các câu hỏi Như thế nào, Tại sao, Khi nào, Ở đâu, Với ai, Cái gì; cập nhật và sàng lọc, kiểm tra độ tin cậy của thông tin; lắng nghe các quan điểm khác nhau; tư duy mở; một ô để trống. | Phản biện không nhằm kết luận đúng hay sai mà nhằm chỉ ra nhận định đúng trong điều kiện nào và không đúng trong điều kiện nào. |
| 4. Kế hoạch tài chính cá nhân | SGK trang 22 và 23 giới thiệu ba loại kế hoạch tài chính, kế hoạch mẫu của bạn Trang kèm bảng thu – chi – tồn, sơ đồ các bước xây dựng kế hoạch và phần người | Ba loại: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Kế hoạch của bạn Trang: mua 1 chiếc máy tính giá 5 000 000 đồng trong 6 tháng; tiền để dành 3 510 000 đồng và tiền tiêu vặt tiết kiệm 254 000 đồng; số còn thiếu 1 | Kế hoạch chỉ dùng được khi mọi dòng tự khớp với nhau; muốn biết thì phải cầm bút cộng lại chứ không tin ngay con số in sẵn. |

| Nội dung | Ý chính (SGK nói gì?) | Ví dụ / số liệu | Rút ra điều gì? |
|---|---|---|---|
| | có thể hỗ trợ. | 236 000 đồng; dòng số tiền hiện có ghi Thu 3 764 000; tồn cuối tháng 1 là 3 970 000; dòng Tổng ghi Thu 5 500 000, Chi 500 000, Tồn 5 000 000. | |

**2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1**

**Phiếu tự soi năng lực số –** hai chỉ báo học sinh thường yếu nhất là kiểm độ tin cậy của nguồn tin trước khi chia sẻ và quản lí thời gian dùng thiết bị. Giáo viên gợi bằng câu hỏi có mốc thời gian cụ thể: lần gần nhất em chia sẻ một tin mà chưa kiểm nguồn là khi nào, mỗi tối em dùng điện thoại bao lâu so với dự định. Việc cải thiện phải nhỏ và đếm được, không nhận mức tốt cho tất cả các chỉ báo.

**Máy dựa vào dữ liệu nào –** phần mềm học từ rất nhiều bài viết trên mạng, phần lớn do người đi làm hoặc người ở nước khác viết ra, nên tỉ lệ chia khoản chi mà nó đưa ra là mức trung bình của đám đông ấy. Dữ liệu huấn luyện của nó không có gia đình học sinh trong đó, cũng không biết em được cầm bao nhiêu tiền mỗi tuần.

**Những chỗ hay không khớp –** khoản máy nêu mà học sinh nông thôn thường không có như tiền cà phê, tiền đăng kí dịch vụ giải trí trả phí; khoản học sinh có mà máy không nhắc như tiền phụ giúp gia đình, tiền quà cho em nhỏ; và tỉ lệ phần trăm máy đưa ra thường tính trên số tiền lớn hơn nhiều so với tiền tiêu vặt thật của các em.

**Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):**

– Chỉ ra được hai chỉ báo năng lực số còn yếu kèm minh chứng thật: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Đặt được hai việc cải thiện có mốc thời gian và dấu hiệu nhận biết: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được ít nhất hai khoản chi máy gợi ý không khớp với hoàn cảnh của mình: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Giải thích được vì sao máy lại đưa ra gợi ý như vậy, có nhắc tới dữ liệu máy đã học: Đạt hoặc Chưa đạt.

**3. Lỗi thường gặp và gợi mở**

**Lỗi 1 –** học sinh nhầm hỗ trợ bạn với làm hộ bạn, thấy bạn chậm thì giành làm cho nhanh. Gợi mở: hỏi sau lần ấy bạn có tự làm được không, và lần sau bạn sẽ trông vào ai.

**Lỗi 2 –** nhầm tự trọng với tự ái, từ chối mọi giúp đỡ kể cả khi đã quá sức. Gợi mở: quay lại câu trả lời của Vinh với anh họ ở sách giáo khoa trang 21 và hỏi Vinh từ chối hẳn hay chỉ hoãn lại đến khi thực sự cần.

**Lỗi 3 –** phản biện biến thành phản đối, chỉ tìm cách bác bỏ mà không chịu viết phần ủng hộ. Gợi mở: bắt buộc mỗi bài phản biện phải có đủ hai chiều và kết luận bằng câu nhận định đúng trong trường hợp nào.

**Lỗi 4 –** học sinh đọc lướt kế hoạch của bạn Trang rồi chép lại mà không kiểm phép tính. Gợi mở: yêu cầu cả lớp cầm bút cộng lại ba chỗ là số tiền hiện có, số tiền còn thiếu và tồn cuối tháng 1. Kết quả nên khớp với sách: 3 510 000 cộng 254 000 bằng 3 764 000 đồng; 5 000 000 trừ 3 764 000 bằng 1 236 000 đồng; 3 764 000 cộng thu 446 000 trừ chi 240 000

bằng 3 970 000 đồng. Nếu nhóm nào ra số khác thì cho kiểm lại từng dòng thu và dòng chi của khối tháng 1 để tìm chỗ cộng sót. Đây là bài tập kiểm số quan trọng của chủ đề, không nên bỏ qua.

**Lỗi 5 –** bảng thu chi của học sinh quên cộng dồn số tồn từ tháng trước, hoặc ghi khoản thu quá lạc quan so với biện pháp đã nêu. Gợi mở: yêu cầu tính tồn tháng này bằng tồn tháng trước cộng thu trừ chi, và hỏi mỗi khoản thu lớn: em làm việc ấy mấy lần một tháng, một lần được bao nhiêu.

**Lỗi 6 –** học sinh chọn mục tiêu tài chính quá lớn hoặc không phải của mình, dẫn tới kế hoạch bỏ dở. Gợi mở: yêu cầu mục tiêu có giá tra được và nằm trong tầm sáu tháng; nếu số còn thiếu vượt quá khả năng thì hạ mục tiêu hoặc kéo dài thời gian.

**Lỗi 7 –** tin ngay gợi ý chia khoản chi của máy vì thấy trình bày gọn gàng, có phần trăm rõ ràng. Gợi mở: yêu cầu đặt gợi ý ấy cạnh bảng chi tiêu hai tuần đã ghi ở nhà và chỉ ra khoản nào mình không hề có.

### 4. Bảng tiêu chí đánh giá

| Tiêu chí | Đạt tốt | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| Kiến thức, quy trình | Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng. | Đúng các ý hoặc bước chính. | Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi. |
| Sản phẩm và dữ liệu | Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số. | Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản. | Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị. |
| Năng lực số và AI (Phụ lục 3) | Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng. | Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra. | Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy. |
| Hợp tác, an toàn | Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn. | Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản. | Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn. |